

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ B
TỈNH Đ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 20/2024/HSST

Ngày: 22 - 11 - 2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ B, TỈNH Đ

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Thúy Thành

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Đỗ Thị Thu Hà

2. Bà Hoàng Thị Thái

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thương Huyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ.

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thanh Tú - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố B, tỉnh Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 20/2024/TLST-HS ngày 18 tháng 10 năm 2024, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 22/2024/QĐXXST-HS ngày 11 tháng 11 năm 2024, đối với bị cáo:

Họ và tên: **Cà Trung K.** Không có tên gọi khác.

Sinh ngày: 05/7/1998, tại tỉnh Đ;

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở trước khi bị bắt: Bản P, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ;

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Thái; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hoá: 9/12 phổ thông; Con ông: Cà Văn B và con bà Vì Thị H; Vợ, con: Chưa có; Tiền án, tiền sự: Không; Nhân thân: Ngày 22/11/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố B, xét xử và xử phạt 12 tháng tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 11/8/2017. Ngày 16/11/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố B, xử phạt 09 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản, bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 18/6/2021. Ngày 10/01/2014 bị Công an phường Him Lam, thành phố B xử lý vi phạm hành chính về hành vi: Trộm cắp tài sản, bằng hình thức cảnh cáo. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ các Bản án, nên đương nhiên được xoá án tính, đã chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính, đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, từ ngày 23/7/2024 sau đó bị tạm giam cho đến ngày xét xử (Có mặt).

- *Người làm chứng*: Anh Sòi Ngọc B – sinh ngày: 26/11/1991; Địa chỉ: Bản C, xã T, huyện Đ, tỉnh Đ (Có mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 20 giờ 30 phút ngày 22/7/2024, bị cáo Cà Trung K đi xe taxi của anh Sòi Ngọc B từ lán thợ thuộc bản Pa Xá Lào, xã Pa Thom, huyện Đ đến bản Xôm, xã Thanh An, huyện Đ để mua ma túy, khi đi đến giữa bản K bảo lái xe taxi đứng đợi ở đường còn K đi bộ vào trong bản gặp và hỏi mua của một người đàn ông không quen biết được 01 gói ma túy, có đặc điểm gói bằng 02 mảnh nilon màu trắng, bên trong có 16 viên nén màu hồng, với giá 400.000 đồng và cất giấu gói ma túy vào trong quần sịp đang mặc và quay ra chỗ xe taxi đang đứng đợi bị cáo và bảo lái xe taxi đưa bị cáo về nhà tại bản P, xã T.

Hồi 22 giờ 15 phút cùng ngày, khi xe taxi trở bị cáo đi đến khu vực bản P, phường Nam Thanh, thành phố B thì bị tổ công tác Công an phường Tân Thanh phối hợp với Công an phường Nam Thanh làm nhiệm vụ phát hiện, bắt quả tang, thu giữ vật chứng. Bị cáo khai đó là ma túy, loại Methamphetamine, bị cáo mua với mục đích để bản thân sử dụng.

Tại biên bản làm việc về nội dung mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định chất ma túy và niêm phong lại đồ vật hồi 03 giờ 00 phút, ngày 23/7/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B và kết luận giám định số 1267KL-KTHS ngày 30/7/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đ kết luận: Các viên nén màu hồng gửi giám định thu giữ của bị cáo Cà Trung K là ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng 1,42 gam.

Tại bản cáo trạng số: 182/CT-VKS-TPĐBP ngày 17/10/2024 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B đã truy tố bị cáo Cà Trung K về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo Cà Trung K về tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy". Đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS, xử phạt bị cáo từ 02 năm 03 tháng đến 02 năm 06 tháng tù. Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo; Về vật chứng vụ án: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS. Tịch thu tiêu hủy 1,24 gam Methamphetamine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 02 mảnh nilon màu trắng; Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Cà Trung K không có lời bào chữa nào, nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B.

Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi của bị cáo bị truy tố: Hồi 22 giờ 15 phút ngày 22/7/2024, tại khu vực bản P, phường Nam Thanh, thành phố B, tỉnh Đ, Cà Trung K có hành vi cất giấu trái phép trên người 1,42 gam Methamphetamine, mục đích để bản thân sử dụng.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa hoàn toàn phù hợp với: Biên bản bắt người phạm tội quả tang lập hồi 22 giờ 30 phút ngày 22/7/2024, biên bản làm việc về nội dung mở niêm phong, xác định khối lượng, lấy mẫu giám định chất ma túy và niêm phong lại đồ vật hồi 03 giờ 00 phút, ngày 23/7/2024 của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố B và kết luận giám định số 1267KL-KTHS ngày 30/7/2024 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Đ.

Do đó có đủ cơ sở khẳng định: Hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy, với mục đích để sử dụng của bị cáo Cà Trung K là phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm c khoản 1 Điều 249/BLHS. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm chế độ độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy, bị cáo phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp, khi thực hiện hành vi phạm tội có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự.

Về nhân thân và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo quy định tại điểm s, khoản 1 Điều 51/BLHS. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào theo quy định tại Điều 52/BLHS. Bị cáo là người có nhân thân xấu: Ngày 22/11/2016 bị Tòa án nhân dân thành phố B, xét xử và xử phạt 12 tháng tù về tội: Lừa đảo chiếm đoạt tài sản, ngày 16/11/2020 bị Tòa án nhân dân thành phố B, xử phạt 09 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản, ngày 10/01/2014 bị Công an phường Him Lam, thành phố B xử lý vi phạm hành chính về hành vi: Trộm cắp tài sản, bằng hình thức cảnh cáo. Bị cáo đã chấp hành xong toàn bộ các Bản án, nên đương nhiên được xóa án tích, đã chấp hành xong quyết định xử phạt hành chính, đến ngày phạm tội lần này đã quá thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Vì vậy, cần phải áp dụng một hình phạt nghiêm khắc đối với bị cáo là hình phạt tù, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian, để bị cáo có điều kiện cai nghiện, đồng thời để cải tạo, giáo dục bị cáo thành người công dân có ích cho xã hội.

Bị cáo là người nghiện ma túy, nhận thức rõ hành vi cất giấu trái phép chất ma túy là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, với khối lượng ma túy mà bị cáo đã tàng trữ, căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân của bị cáo, thì mức hình phạt mà đại diện viện kiểm sát đề nghị là phù hợp, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2]. Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an thành phố B, điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố B, kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3]. Về hình phạt bổ sung: Theo quy định tại khoản 5 Điều 249/BLHS thì ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền hoặc tịch thu một phần hoặc toàn bộ tài sản. Tuy nhiên theo các tài liệu, chứng cứ và lời khai của bị cáo tại phiên tòa cho thấy, nghề nghiệp của bị cáo là lao động tự do, thu nhập không ổn định, điều kiện kinh tế khó khăn. Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

[4]. Đối với người đàn ông không quen biết đã bán ma túy cho bị cáo, bị cáo không biết họ, tên, địa chỉ của người này, cơ quan điều tra không xác minh làm rõ được, nên Hội đồng xét xử không xem xét. Đối với anh Sòi Ngọc B, khi trở K đi mua ma túy, anh B không biết, nên không đặt vấn đề xem xét.

[5]. Vật chứng: Đối với 1,24 gam Methamphetamine (Vật chứng hoàn lại sau giám định) là vật nhà nước cất tàng trữ, 02 mảnh nilon màu trắng, là vật không còn giá trị, cần tịch thu tiêu hủy.

[6]. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm c khoản 1 Điều 249, điểm s khoản 1 Điều 51, Điều 38/BLHS.

- Tuyên bố bị cáo Cà Trung K phạm tội "Tàng trữ trái phép chất ma túy".

- Xử phạt bị cáo Cà Trung K 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị tạm giữ (23/7/2024).

2. Vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47/BLHS, điểm a, c khoản 2 Điều 106/BLTTHS, tịch thu tiêu hủy 1,24 gam Methamphetamine (Vật chứng hoàn lại sau giám định), 02 mảnh nilon màu trắng (*Theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 21/10/2024 giữa Công an thành phố B và Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, tỉnh D*).

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136/BLTTHS, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí

và lệ phí tòa án, bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331, Điều 333/BLTTHS, bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án (Ngày 22/11/2024).

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSNDTPĐBP;
- VKSND tỉnh ĐB;
- Cơ quan CSĐT Công an TPĐBP;
- Đội HSNV, Công an TPĐBP;
- Cơ quan THAHS TP ĐBP;
- Nhà tạm giữ CA TPĐBP;
- Trại tạm giam;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- Chi cục THA Dân sự;
- TAND tỉnh Đ;
- HS THA Hình sự;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Thúy Thành

